TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 71/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30.9.2022
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thuỷ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

2. Ông Nguyễn Công Chi

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa: Ông Võ Phước Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 09 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 57/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H - sinh năm 1973, (*Có mặt*);

- Bị đơn: Ông Hoàng Trường T - sinh năm 1969, (*Có mặt*).

Cùng nơi cư trú: 115 T 10, quận L, thành phố Đà Nẵng.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng A, trụ sở: 440 N, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Xà Thị Bích H1 - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ 218 B, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng, (*Theo Giấy uỷ quyền số 1075/UQ-QLN.22 ngày 22 tháng 6 năm 2022 và Giấy uỷ quyền số 1488/UQ-QLN.22 ngày 18 tháng 7 năm 2022*), (*Có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 03 tháng 3 năm 2022, Bản tự khai ngày 22 tháng 4 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Phạm Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Hoàng Trường T kết hôn năm 2000; có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Tân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại 166/10 Nguyễn Lương Bằng, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng; đến cuối năm 2021 thì chuyển về sống tại 115 Thanh Vinh 10, phường Hoà Khánh Bắc cho đến nay. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân là là do không cùng quan điểm sống, không hòa hợp về tính cách, không tìm được tiếng nói chung, ông T nghiện rượu nên thường xuyên gây gổ, đập phá đồ đạc, cãi nhau với vợ. Đến nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T.

- Về quan hệ nuôi con chung: Bà xác định bà và ông T có 02 (*Hai*) con chung là Hoàng Ngọc Nguyên A1 - sinh ngày 18 tháng 12 năm 2001 và Hoàng Ngọc Chiêu A2 - sinh ngày 28 tháng 3 năm 2005. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng Ngọc Chiêu A2 và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*). Đối với con chung Hoàng Ngọc Nguyên A1 đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

- Về quan hệ chia tài sản chung: Bà xác định bà và ông T có tài sản chung là thửa đất số 109, tờ bản đồ 111, lô 26 đường Thanh Vinh 10 (*Nay là lô số 115*), phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR983408 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 23 tháng 10 năm 2019 đứng tên ông Nguyễn Văn Huân và bà Trần Thị Thương, chỉnh lý biến động chuyển nhượng cho ông bà ngày 12 tháng 8 năm 2021 và ngôi nhà trên đất. Bà yêu cầu chia nhà đất như sau: Căn cứ kết luận thẩm định giá, sau khi trả số nợ chung 855.414.739đ (*Tám trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm mười bốn nghìn bảy trăm ba mươi* chín *đồng)* tại Ngân hàng A và thối trả cho bà 600.000.000 đồng (*Sáu trăm triệu đồng*), là số tiền ông T và bà đã thỏa thuận là tiền riêng của bà trong thời kỳ hôn nhân, phần còn lại chia theo tỉ lệ 50:50.

Bà xác định bà và ông T có nợ của Ngân hàng A số tiền 855.414.739 đồng (*Tám trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm mười bốn nghìn bảy trăm ba mươi* chín *đồng).* Bà yêu cầu giải quyết như sau: Sau khi bán nhà, bà và ông T sẽ trả hết nợ cho Ngân hàng và chia tài sản là số tiền còn lại.

Tuy nhiên, ngày 06 tháng 9 năm 2022, bà H đã rút yêu cầu giải quyết chia tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa, bà H trình bày: Trước đây, bà đã 02 lần gửi đơn ly hôn đến Toà án, nhưng sau đó đã rút đơn để cho ông T cơ hội thay đổi. Tuy nhiên, đến nay, mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn ngày càng trầm trọng nên kiên quyết ly hôn.

Bà rút yêu cầu chia tài sản để bà và ông T tự thoả thuận về tài sản chung và nợ chung.

* Tại bản tự khai ngày 15 tháng 5 năm 2022, bị đơn - ông Hoàng Trường T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với ý kiến trình bày của bà H về năm kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, nơi chung sống. Ông xác định giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không đến mức phải ly hôn. Ông có uống rượu say và nóng giận nên vợ chồng có xô xát, cãi vã. Ông không kiềm chế được bản thân nên có đập phá đồ đạc, gây ồn ào khu phố nhưng không bao giờ đánh vợ con. Ông vẫn có trách nhiệm với gia đình nên không đồng ý ly hôn.

Tại Bản tự khai ngày 07 tháng 6 năm 2022 và phiên hoà giải ngày 28 tháng 6 năm 2022, ông T đồng ý ly hôn với bà H. Tuy nhiên, tại phiên toà, ông T trình bày do các con đang ở thời điểm chuẩn bị tốt nghiệp lớp 12 và đại học nên ông không muốn ly hôn, ảnh hưởng đến tâm lý của các con.

- Về con chung: Ông xác định ông và bà H có 02 con chung như bà H trình bày. Trường hợp ly hôn, ông đồng ý giao con chung Hoàng Ngọc Chiêu A2 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Con chung Hoàng Ngọc Nguyên A1 đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông xác định tài sản chung của vợ chồng là nhà đất tại 115 Thanh Vinh 10, phường Hoà Khánh Bắc như bà H trình bày. Nhà đất này có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ nguồn tiền bán ngôi nhà tại 166/10 Nguyễn Lương Bằng, quận Liên Chiểu do mẹ ông là bà Nguyễn Thị Nhung (*Sinh năm 1947*) tặng cho vợ chồng. Ông đồng ý phân chia tài sản theo phương án bán nhà và chia bằng tiền mặt theo tỷ lệ mẹ ông 50%, bà H và ông mỗi người 25% giá trị tài sản, sau khi trả hết nợ chung.

Ông xác định vợ chồng có nợ Ngân hàng A số tiền 855.414.739đ (*Tám trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm mười bốn nghìn bảy trăm ba mươi* chín *đồng).* Ông yêu cầu sau khi bán nhà, trả hết nợ cho Ngân hàng và chia tài sản là số tiền còn lại theo phương án đã nêu.

Tại Bản tự khai ngày 21 tháng 9 năm 2022 và tại phiên toà, ông T thống nhất vợ chồng tự thoả thuận về tài sản chung và nợ chung.

* Tại Công văn số 2501/CV-QLN.22 ngày 14 tháng 7 năm 2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ngân hàng A trình bày: Ngày 28 tháng 10 năm 2021, ông Hoàng Trường T và bà Phạm Thị H ký Hợp đồng cấp tín dụng số HO.CN.2371021 với Ngân hàng vay số tiền 860.000.000 đồng (*Tám trăm sáu mươi triệu đồng*) để xây dựng và sửa chữa nhà. Theo hợp đồng đã ký kết; quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự, các điều 37 và 60 Luật Hôn nhân và gia đình ông T và bà H phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng các khoản nợ ngay cả khi ly hôn.

Tài sản thế chấp đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 109, tờ bản đồ số 111, địa chỉ: Lô 26, đường T, phường H, quận L, TP.Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông T, bà H theo Hợp đồng thế chấp tài sản số HOK.BĐCN.123.251021 được công chứng ngày 25 tháng 10 năm 2021 và đăng ký thế chấp ngày 26 tháng 10 năm 2021. Hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật nên tài sản thế chấp phải tiếp tục dùng để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông T, bà H tại Ngân hàng cho đến khi việc thế chấp tài sản chấm dứt.

Ngân hàng không thoả thuận cho ông T, bà H phân chia nghĩa vụ về tài sản và không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà, bà Xà Thị Bích H1 - là người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng trình bày: Do nguyên đơn đã rút yêu cầu chia tài sản và nợ chung nên Ngân hàng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48; đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các nguyên tắc xét xử, đảm bảo các bên đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ, việc hỏi và tranh tụng tại phiên tòa được tiến hành khách quan, đúng trình tự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, xử cho bà H được ly hôn với ông T. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Hoàng Ngọc Chiêu A2 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Phạm Thị H và ông Hoàng Trường T đăng ký kết hôn vào năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Tân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Do vậy, hôn nhân giữa bà H và ông T là hợp pháp.

[*1.2*] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông T, Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, cả bà Phạm Thị H và ông Hoàng Trường T đều xác định giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà H trình bày là do không hợp về tính tình, quan điểm sống, ông T uống rượu say về đập phá đồ đạc, gây gổ với vợ. Ông T thừa nhận có uống rượu, không kìm chế được nên có gây ồn ào tại địa phương. Phù hợp với xác minh tại

địa phương, thể hiện: Giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, địa phương có báo Công an khu vực đến hoà giải, giải quyết.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà H và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử cần căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của bà H đối với ông T, xử cho bà H được ly hôn với ông T.

[*1.3*] Về quan hệ nuôi con chung*:* Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Hoàng Ngọc Chiêu A2 - sinh ngày 28 tháng 3 năm 2005.

Xét, cháu Chiêu A2 đã thể hiện ý kiến xin được sống với mẹ, ông T cũng đồng ý giao cháu Chiêu A2 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn. Căn cứ quyền lợi mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà H, xử giao con chung Hoàng Ngọc Chiêu A2 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (*Đủ 18 tuổi*) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà H yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng, đã được ông T đồng ý. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình xử buộc ông T cấp dưỡng nuôi con chung Hoàng Ngọc Chiêu A2 mỗi tháng 3.000.000 đồng. Thời gian thực hiện kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho cho khi con chung đủ tuổi thành niên (*Đủ 18 tuổi*).

Con chung Hoàng Ngọc Nguyên A1 - sinh ngày 18 tháng 12 năm 2001 đã thành niên nên không đề cập giải quyết.

[*1.4*] Về quan hệ chia tài sản: Bà H và ông T có tài sản chung và nợ chung, nhưng tự thoả thuận nên không đề cập giải quyết.

Bà H rút yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 217, 218, 219 và 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà H.

[2] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Phạm Thị H phải chịu và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con ông Hoàng Trường T phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và các khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình; các khoản 5 và 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147, các điều 217, 218, 219, 235, 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phạm Thị H đối với ông Hoàng Trường T về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

1.1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Cho bà H được ly hôn với ông T.

1.2. Về quan hệ nuôi con chung:

Xử: Giao con chung Hoàng Ngọc Chiêu A2 - sinh ngày 28 tháng 3 năm 2005 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (*Đủ 18 tuổi*).

Buộc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Hoàng Ngọc Chiêu A2 mỗi tháng 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*). Thời gian thực hiện kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho cho khi con chung đủ tuổi thành niên (*Đủ 18 tuổi*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Con chung Hoàng Ngọc Nguyên A1 - sinh ngày 18 tháng 12 năm 2001 đã thành niên nên không giải quyết.

1.3. Về quan hệ chia tài sản: Bà H và ông T tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

1.4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* bà Phạm Thị H phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn ngàn đồng)* đã nộp tại biên lai thu số 0000915 ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* ông Hoàng Trường T phải chịu.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của bà Phạm Thị H trong vụ án dân sự thụ lý 107/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022.

2.1. Chi phí thẩm định giá 10.800.000 đồng (*Mười triệu tám trăm ngàn đồng*) bà H phải chịu (*Đã nộp và đã chi*).

2.2. Hoàn trả cho bà Phạm Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung 11.000.000 đồng (*Mười một triệu đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0000926 ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND. quận Liên Chiểu;
- UBND. Xã Tân Xuân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thuỷ